



## QUY ĐỊNH

Về việc đào tạo Tiếng Anh cho sinh viên trình độ đại học,  
chuyên sâu đặc thù chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3018/QĐ-TDT ngày 14 tháng 10 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tôn Đức Thắng)

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về chương trình học Tiếng Anh, quy định trình độ Tiếng Anh đầu vào, kỳ thi đánh giá năng lực đầu vào, quy định xét miễn môn khi nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế, quy định về hình thức đánh giá, quy định học vụ Tiếng Anh cho sinh viên chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh.

2. Đối tượng áp dụng: sinh viên chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh bao gồm cả sinh viên chương trình dự bị Tiếng Anh tại Trường Đại học Tôn Đức Thắng (trừ ngành Ngôn ngữ Anh).

### Điều 2. Chương trình Tiếng Anh

Chương trình Tiếng Anh World English được quy định tại Bảng 1, trong đó gồm 03 học phần chính thức trong chương trình đào tạo và 04 học phần Tiếng Anh dự bị.

Sinh viên phải hoàn thành các học phần Tiếng Anh chính thức theo lộ trình học Tiếng Anh và phải đạt điểm IELTS quốc tế  $\geq 6.0$  hoặc các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 2.

Bảng 1 - Các học phần Tiếng Anh World English chương trình đại học bằng Tiếng Anh

| Mã<br>môn | Tên học phần   | Điểm thi xếp lớp  |                    | Số<br>tín<br>chỉ | Số tiết<br>học trên<br>Lớp | Lộ trình học<br>tiếng Anh      |
|-----------|--|-------------------|--------------------|------------------|----------------------------|--------------------------------|
|           |  | Bài thi trực tiếp | Bài thi trực tuyến |                  |                            |                                |
| 0013B4    | Intensive Key  | < 30              | < 30               |                  | 225                        | Học dự bị trong thời gian 1 HK |
| 0013B6    | Intensive Preliminary English 1  | 30 đến 34         | 30 đến 45          | -                | 75                         | Học dự bị trong thời gian 1 HK |
| 0013B7    | Intensive Preliminary English 2  | 35 đến 39         | 46 đến 55          | -                | 75                         |                                |
| 0013B8    | Intensive Preliminary English 3  | 40 đến 49         | 56 đến 60          | -                | 75                         |                                |
| 001324    | Influencer English   | 50 đến 59         | 61 đến 70          | 8                | 120                        | HK1                            |
| 001325    | Researcher English   | 60 đến 64         | 71 đến 80          | 8                | 120                        | HK2                            |
| 001326    | Master English   | $\geq 65$         | $\geq 81$          | 9                | 135                        | HK3                            |
| P15C60    | Chứng chỉ IELTS quốc tế $\geq 6.0$ hoặc các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế khác còn thời hạn có giá trị tương đương theo Bảng 2 |                   |                    |                  |                            |                                |

**Bảng 2 – Bảng xét miễn học phần tiếng Anh theo các loại chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế  
(miễn theo lộ trình đào tạo tại Bảng 1)**

| STT | Học phần được xét Miễn   | Điểm IELTS | Điểm TOEFL iBT | Điểm Cambridge Exams                                     | Điểm Cambridge Linguaskill | PTE  | TOEIC 4 kỹ năng |       |       |
|-----|--|------------|----------------|--|----------------------------|------|-----------------|-------|-------|
|     |  |            |                |  |                            |      | Nghe & Đọc      | Viết  | Nói   |
| 1   | Intensive Preliminary English 1,2,3  | 5.0        | ≥ 60           | B1 Pre/B2 First/BEC Pre/BEC Van ≥ 140                    | ≥ 140                      | ≥ 36 | ≥ 550           | ≥ 120 | ≥ 120 |
| 2   | - Intensive Preliminary English 1,2,3,<br>- Influencer English,<br>- Researcher English                      | 5.5        | ≥ 65           | B1 Pre/ B2 First/ C1 Advanced/ C2 Pro/ BEC Van ≥ 160     | ≥ 160                      | ≥ 42 | ≥ 600           | ≥ 150 | ≥ 160 |
| 3   | - Intensive Preliminary English 1,2,3,<br>- Influencer English,<br>- Researcher English,<br>- Master English | 6.0        | ≥ 75           | B2 First/ C1 Advanced/ C2 Pro/ BEC Van/ BEC Higher ≥ 169 | ≥ 169                      | ≥ 52 | ≥ 650           | ≥ 160 | ≥ 170 |

**Lưu ý:** Áp dụng xét miễn Tiếng Anh đối với các chứng chỉ được tổ chức thi trực tiếp tại các Trung tâm khảo thí được IIG VN hoặc Hội đồng Anh, IDP, Cambridge ủy quyền tổ chức).

## 2. Điều kiện tiếng Anh đầu vào

a. Đối với thí sinh người nước ngoài ở các nước có ngôn ngữ chính là Tiếng Anh không yêu cầu chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đầu vào.

b. Đối với thí sinh Việt Nam và thí sinh ở các nước không có ngôn ngữ chính là Tiếng Anh phải có chứng chỉ IELTS 5.0 trở lên hoặc chứng chỉ/bảng điểm quốc tế khác tương đương. Trường hợp người học chưa có chứng chỉ tiếng Anh IELTS 5.0 hoặc tương đương phải dự thi Bài thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào để được xác nhận đủ điều kiện Tiếng Anh theo học chương trình (trừ ngành Ngôn ngữ Anh).

Bài thi đánh giá năng lực Tiếng Anh được tổ chức theo hình thức thi trực tiếp hoặc trực tuyến.

**b1. Thi trực tiếp tại trường:** Bài thi đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào gồm 3 bài thi đánh giá 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết:

- Bài thi 1: Đánh giá khả năng sử dụng Tiếng Anh, Đọc và Nghe: theo cấu trúc bài thi Cambridge English Placement Test (CEPT).
- Bài thi 2: Kỹ năng Viết, thời gian: 45 phút.
- Bài thi 3: Kỹ năng Nói, thời gian: 10-12 phút.

**b2. Thi trực tuyến:** Bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào gồm 4 bài thi đánh giá 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết được tổ chức qua phần mềm hỗ trợ thi trực tuyến chuyên dụng:

- Bài thi 1: Kỹ năng Nghe; Bài thi gồm 4 phần, thời gian 30 phút.

- Bài thi 2: Kỹ năng Nói; Bài thi gồm 3 phần, thời gian 10 - 12 phút, 01 giám khảo và 01 thí sinh.
- Bài thi 3: Kỹ năng Đọc; Bài thi gồm 4 phần, thời gian 30 phút.
- Bài thi 4: Kỹ năng Viết; Thí sinh viết bài luận về 1 chủ đề xã hội từ 250-300 chữ, thời gian 45 phút.

Kết quả đánh giá năng lực Tiếng Anh đầu vào (thi trực tiếp hoặc thi trực tuyến) được xét theo Bảng 1.

### **Điều 3. Quy định đánh giá**

a. Các học phần Tiếng Anh được đánh giá qua 02 thành phần điểm:

- Điểm đánh giá quá trình (DQT): tỷ trọng 60% (theo thang điểm 100);
- Điểm đánh giá cuối kỳ (ĐCK): tỷ trọng 40% (theo thang điểm 100).

**Điểm tổng kết (ĐTK) = DQT + ĐCK** (điểm đánh giá theo thang điểm 100)

b. Khung kiểm tra đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ được quy định tại Bảng 3

Sinh viên phải hoàn thành ít nhất 80% khối lượng bài tập được giao và đảm bảo chuyên cần theo đúng yêu cầu của học phần mới đủ điều kiện tham gia bài thi đánh giá cuối kỳ.

**Bảng 3- Khung kiểm tra đánh giá học phần Tiếng Anh chương trình World English**

| Phương thức (Test Type)                     | Mục tiêu (Objective)   | Nội dung (Part)   | Tiêu chí đánh giá (Criteria)   | Số lần yêu cầu (number of requests) | Điểm thành phần (points) |
|---|--|---|--|-------------------------------------|--------------------------|
| <b>Đánh giá Quá trình (60%)<br/>Tại lớp</b> | Theo dõi lộ trình phát triển, phản hồi kịp thời về những kỹ năng sinh viên cần cải thiện | 1. Hoạt động tại lớp (Classroom Activities)                 | - Xây dựng bài<br>- Sẵn sàng và tập trung<br>- Chuyên cần<br>- Tham gia skills clubs<br>- Bài tập CLMS, Elabs, Unit checks | 01                                  | 10                       |
|   |  |   | - Writing portfolio  |                                     |                          |
|   |  |   | - Individual work/ Group work  |                                     |                          |
|   |  |   | - Kỹ năng nói 1  |                                     |                          |
|   |  | 2. Kiểm tra mức độ tiến bộ (Progress tests)                 | - Kỹ năng viết 1   | 01                                  | 05                       |
|   |  |   | - Kỹ năng nói 2/ Kỹ năng tranh luận/ hùng biện   |                                     |                          |
|   |  |   | - Kỹ năng viết 2   |                                     |                          |
| <b>Kiểm tra cuối kỳ (40%)<br/>Tập trung</b> | Đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên   | 3. Kỹ năng Đọc, Kiến thức về ngôn ngữ và Nghe (Final Tests) | - Kiến thức ngôn ngữ<br>- Đọc và ngữ pháp<br>- Nghe hiểu và nghe viết ghi chú  | 01                                  | 40                       |

c. Điều kiện xét đạt học phần Tiếng Anh được quy định tại Bảng 4

**Bảng 4- Điều kiện xét đạt học phần Tiếng Anh chương trình World English**

| Yêu cầu                         | Intensive Key English                          | Intensive Preliminary English 1              | Intensive Preliminary English 2              | Intensive Preliminary English 3                | Influencer English                             | Researcher English                             | Master English                                 |
|---------------------------------|--|--|--|--|--|--|--|
| <b>Điểm bài thi cuối kỳ</b>     | tối đa 40 điểm ( $\geq 50\% =$ đúng 40/80 câu) | tối đa 40 điểm ( $33.33\% =$ đúng 20/60 câu) | tối đa 40 điểm ( $41.67\% =$ đúng 25/60 câu) | tối đa 40 điểm ( $\geq 50\% =$ đúng 30/60 câu) | tối đa 40 điểm ( $\geq 50\% =$ đúng 40/80 câu) | tối đa 40 điểm ( $\geq 56\% =$ đúng 45/80 câu) | tối đa 40 điểm ( $\geq 63\% =$ đúng 50/80 câu) |
| <b>Chuyên cần</b>               | tối thiểu 80%                                  |  |  |  |  |  |  |
| <b>Bài tập/ Online Learning</b> | tối thiểu 50% câu đúng                         |  |  |  |  |  |  |
| <b>Điểm tổng kết (DTK) Đạt</b>  | $\geq 70$ điểm                                 | $\geq 60$ điểm                               | $\geq 65$ điểm                               | $\geq 70$ điểm                                 | $\geq 65$ điểm                                 | $\geq 70$ điểm                                 | $\geq 75$ điểm                                 |

Sau khi Sinh viên học xong chương trình dự bị Tiếng Anh, **nếu đạt học phần Intensive Preliminary English 3** sẽ được xét đủ điều kiện đầu vào Tiếng Anh của chương trình đại học giảng dạy bằng Tiếng Anh.

Sinh viên học môn học Influencer English, Researcher English, Master English nếu đạt sẽ được ghi nhận điểm M; đồng thời sinh viên phải tham gia dự thi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế và đạt điểm IELTS  $\geq 6.0$  hoặc các chứng chỉ/bảng điểm quốc tế khác tương đương (theo Bảng 2) để được ghi nhận đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh. Chi phí thi các kỳ thi chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế sẽ do sinh viên thanh toán.

d. Sinh viên chưa đạt các học phần Influencer English, Researcher English, Master English (điểm học phần chưa được ghi nhận điểm M) phải học lại các học phần Tiếng Anh này được quy định tại Điều 5.

e. Sinh viên không đủ điều kiện dự thi học phần Tiếng Anh sẽ bị ghi nhận điểm F, sinh viên vắng thi sẽ bị ghi nhận điểm V. Điểm F và điểm V được tính như điểm 0 (không) và tính vào điểm trung bình học kỳ, trung bình tích lũy.

#### **Điều 4. Quy định xét miễn các học phần Tiếng Anh**

Trong quá trình đào tạo, nếu sinh viên có các chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế theo Bảng 2 còn thời hạn (riêng đối với các chứng chỉ không quy định thời hạn, chỉ được xét công nhận miễn trong vòng 02 năm kể từ ngày chứng chỉ được cấp) được xem xét miễn các học phần tiếng Anh tương ứng. Quy định cụ thể như sau:

*Trường hợp 1:* Sinh viên đang học đúng hoặc sớm lộ trình đào tạo Tiếng Anh trong chương trình đào tạo, sinh viên nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế trước khi bắt đầu học kỳ hoặc trước khi bắt đầu môn học (đối với các học phần Tiếng Anh ở giai đoạn 2 của học kỳ) ít nhất 02 tuần sẽ được xét miễn (học, thi và học phí) các học phần Tiếng Anh tương ứng theo lộ trình đào tạo và thời hạn còn giá trị của chứng chỉ; sinh viên phải đồng thời đề nghị **hủy kết quả đăng ký môn học** (nếu có) để được miễn học và không đóng học phí học phần này.

*Trường hợp 2:* Sinh viên đang học đúng lộ trình đào tạo Tiếng Anh trong chương trình đào tạo nhưng nộp chứng chỉ/bảng điểm Tiếng Anh quốc tế sau thời hạn quy định ở trường hợp 1 sẽ được miễn học phần Tiếng Anh đang học; sinh viên phải đồng thời đề nghị rút môn học (không hoàn học phí), điểm R được ghi nhận cho môn học trong học kỳ hiện tại; trường hợp sinh viên không làm đơn đề nghị rút môn học sinh viên vẫn phải thực hiện nghĩa vụ học và thi theo quy định.

*Trường hợp 3:* Sinh viên trễ lộ trình đào tạo Tiếng Anh trong chương trình đào tạo nhưng có kết quả tham gia học Tiếng Anh liên tục trong tất cả các học kỳ và đủ điều kiện dự thi cuối khóa, được xem xét miễn các học phần Tiếng Anh trễ lộ trình khi sinh viên có chứng chỉ/bảng điểm tiếng Anh quốc tế tương đương IELTS ≥ 6.0 còn thời hạn theo Bảng 2 (việc xét **rút môn học** hoặc **hủy kết quả đăng ký môn học** sẽ căn cứ vào thời điểm sinh viên nộp chứng chỉ/bảng điểm theo trường hợp 1 và 2).

Điểm “M” của các học phần Tiếng Anh được xét miễn theo các trường hợp 1,2 và 3 sẽ được ghi nhận trong phần điểm bảo lưu (nằm ngoài bảng điểm các học kỳ sinh viên học tại trường).

Sinh viên người nước ngoài ở các nước có ngôn ngữ chính là Tiếng Anh được xét miễn học chương trình tiếng Anh World English.

#### **Điều 5. Quy định học vụ đối với việc hoàn tất các học phần Tiếng Anh**

Sau khi được Nhà trường xếp lớp, sinh viên phải học và thi theo lộ trình đào tạo (học liên tục trong các học kỳ) cho đến khi hoàn tất các học phần Tiếng Anh theo quy định. Sinh viên sẽ bị giới hạn số tín chỉ đăng ký các môn học khác cho học kỳ tiếp theo để tập trung cho việc học Tiếng Anh.

Sinh viên hoàn tất chuẩn đầu ra theo đúng sơ đồ đào tạo để đủ điều kiện tiên quyết cho các môn học trong chương trình đào tạo và đủ điều kiện xét học bỗng.

Các trường hợp đặc biệt khác, tùy theo tiến độ học tập, Nhà trường sẽ xem xét cho sinh viên đăng ký môn học phù hợp với trình độ tiếng Anh tại thời điểm hiện tại của sinh viên.

#### **Điều 6. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này áp dụng cho sinh viên trình độ đại học chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh từ khóa tuyển sinh năm 2022 trở về sau.

2. Phòng Đại học, Phòng Khảo thí và Kiểm định Chất lượng, Phòng Thanh tra - Pháp chế và An ninh, các Khoa và Trung tâm Ngôn ngữ Sáng tạo có trách nhiệm phối hợp tổ chức quản lý sinh viên, giám sát và đảm bảo chương trình Tiếng Anh được triển khai theo đúng quy định./. LH NV